

[illegible]

Phần 6		Phần 7		Phần 8		Phần 9		Phần 10	
shoulder	vai	adjust	điều chỉnh	decorate	trang trí	entrepreneur	người kinh doanh	initiate	khởi đầu
shift	chuyển dịch, dịch chuyển	accomplished	có tài, có khả năng	entertain	sự công hiến, hiến dâng	entertaining	mang tính giải trí	initiate	khởi đầu
strict	ng nghiêm ngặt	adapt	thích nghi	dedication	sự tận tâm	envisage	phỏng đoán, ước tính	informative	chứa đựng nhiều thông tin
stuck	nghe có vẻ, nghe như	abhor	ghét	cramped	chật hẹp	greedy	tham lam	infrastructure	cơ sở hạ tầng
train	đường sắt	adolescent	thiếu niên	creativity	đổi sáng tạo, tính sáng tạo	fertile	trụm đầy, trù phú	infection	vi khuẩn, nhiễm
strain	gánh nặng, áp lực	curb	kìm chế, kềm hãm	fauna	thế giới động vật	flourish	phát triển	isolate	cách ly, cô lập
survive	sống sót	adhere	tuân theo	deprive	điếu tước, cướp	foxtail	phân trần	inhibit	ngăn chặn, kìm chế
smooth	hòa nhẵn, là dẹt	advantageous	lợi	devastating	hủy diệt, tàn phá	frustrate	làm thất vọng	inmate	người ở chung
successive	kế tiếp, liên tiếp	adversely	tiêu cực	devise	phỏng ra, nghĩ ra	exhaust	cạn kiệt	intervene	xen vào, can thiệp
sophisticated	phức tạp, văn minh	alternate	lưu luân, xen kẽ	disseminate	phân tán, phổ biến	harmful	có hại	iterate	phép tính
stroke	vuốt ve	classify	phân loại	diminish	giảm bớt, thu nhỏ	hesitant	do dự	infrastructure	cơ sở hạ tầng
seek	tìm kiếm	arid	khô cằn	cumulative	tích lũy	impose	phép vạ, bực lòi	interact	tương tác
sufficient	đủ, thích đáng	compensate	đền bù, bồi thường	detrimental	có hại	expose	làm cho dễ dàng, thuận tiện	interactively	có tính tương tác
single	đơn	allergy	dị ứng	credible	có thể tin được	facilitate	việc tạo điều kiện	intimacy	sự thân mật, thân thiết
state	phát biểu, tuyên bố	celebrity	người nổi tiếng	cutting edge	làng tiên phong	freedance	nhảy tự do	intuition	linh cảm, phán đoán
step	nhánh (dạng, phẩm)	catastrophe	thảm họa	debris	mảnh vụn, mảnh vỡ	feasible	khả thi	irresponsible	không chịu trách nhiệm
stop-called	ngừng được cho là	breakthrough	phá vỡ, đột phá	deficiency	hấp hụt, thiếu	esteem	trân trọng	obey	tuân thủ
theory	lý luận, phả, tri thức	brand	hàng hiệu, nhãn	derelict	phải bỏ hoang, vô chủ	exert	sử dụng sức lực	outdoors (n, adv)	ngoài trời
therapeutic	thuốc	blacklist	danh sách đen	deterrent	cách ngăn ngừa, ngăn chặn	erratic	không đều, không ổn định	overweight	thừa cân
short term	ngắn hạn	bankrupt	phải phá sản	dilemma	lựa chọn, lưỡng nan	harness	harness	orbit	đi theo quỹ đạo
toxic	độc hại	clarify	làm cho sáng tỏ, để hiểu	dialect	phương ngữ	errand	việc đi mua	occupy	chiếm giữ, ở, cư ngụ
song opera	phim đại tạp	confidential	gây kín, bí mật	drought	hạn hán	evolve	phát triển	media	truyền thông
poor	thấp kém	appetite	khẩu vị, sự thèm ăn	dump	phải đổ bỏ, vứt bỏ	extravagant	phung phí	mother tongue	mã ngữ
space station	trạm vũ trụ	condemn	chê bai, lên án, chỉ trích	ecology	sinh thái	factual	thực tế	motivate	cảm hứng, động cơ
speculation	sự suy đoán	contribute	góp phần, đóng góp	disruptive	quấy phá	far-reaching	phạm vi rộng	labourer	người lao động chân tay
stimulus	sự thúc đẩy, kích thích sự phát triển	anxiety	lo âu	disrupt	phá vỡ, ngăn cản	law	luật	livelihood	sinh kế
telecommunications	viễn thông	analogy	sự tương tự, giống nhau	eliminate	loại bỏ	lead chain	chuỗi dẫn	locality	địa phương
thesis	khóa luận	coherent	hợp lý, mạch lạc, chặt chẽ	durable	chối bền	times	thời gian	outdoor (adj)	ngoài trời
tutor	dạy phụ đạo	complacency	thoải mái, tự mãn	emphasize	nhấn mạnh	time	thời gian	magical	phép thuật
university	trường đại học	conquer	chiếm lĩnh	discrepancy	sự khác biệt, sai lệch	universe	vũ trụ	marvelous	thần kỳ, diệu
venue	nơi tổ chức	affectionate	thương yêu, yêu quý	disadvantaged	thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn	GDP	Gross Domestic Product	oblivious	không chú ý đến
verbal	ngôn ngữ	appealing	hấp dẫn, thu hút	endeavor	cố gắng, nỗ lực	haul	chở đi, vận chuyển	onset	sự bắt đầu (điều gì khó chịu)
vulnerable	dễ bị tổn thương	erudite	học thức, am hiểu	enforce	thực thi, thực hiện	heart attack	chứng đau tim	landmark	địa điểm
value	giá trị	breakthrough	phá vỡ, đột phá	enforce	thực thi, thực hiện	incur	gây ra, mắc phải	literature	biểu thức
typically	thông thường	carbon dioxide	CO2	dominate	trội hơn, chiếm ưu thế	imaginative	tưởng tượng	luxurious	sang trọng, lộng lẫy
waste	phế phẩm, phế thải	chronological	thời gian	disastrous	tai hại, thảm họa	hospitality	thân thiện, hiếu khách	normal	thông thường
urgent	cấp bách, khẩn cấp	clumsy	vụng về	divert	chuyển hướng	icon	biểu tượng	meaningful	có ý nghĩa
use	phép tính	complementary	bổ sung, bổ trợ	drawback	khuyết điểm	imaginary	trí tưởng tượng	merge	sáp nhập, hợp nhất
variation	biến thể	comprehend	hiểu	embark	lên đường (đi đâu gì mới và khó khăn)	improved	cải thiện	modify	biến đổi
transit	đi qua, qua	conceivable	có thể hình dung được	candor	thật thà, thẳng thắn	immune	miễn dịch	mundane	thông thường, tầm thường
triumph	thắng lợi	consume	tiêu thụ, tiêu dùng	distorted	bi				

Unit 1		Unit 2		Unit 3		Unit 4		Unit 5		Unit 6		Unit 7		Unit 8	
Phân 11		Phân 12		Phân 13		Phân 14		Phân 15		Phân 16		Phân 17		Phân 18	
portable	di động	stimulate	khích lệ, khuyến khích	activate	kích hoạt	cosmopolitan	mang tính quốc tế	fluctuate	dao động	fluency	trôi chảy	flaggerated	phẫn nộ	immerse	đắm chìm
plumber	người thợ sửa ống nước	specious	lừa dối, không thực	achieve	thành tựu	elevate	cao lên	fruitless	không có kết quả	genuity	trí tuệ, chân thành	gadget	đồ dùng, tiện ích	injure	trúng phải
pesticide	thuốc trừ sâu	spontaneous	tự nhiên	abate	lặn đi, giảm bớt	cultivate	trồng trọt	exhort	văn bảo, cổ vũ	harass	quấy rối	harass	quấy rối	harmless	không hại
pollutant	chất gây ô nhiễm	smuggling	buôn lậu	abhor	ghét, căm ghét	diagnose	chẩn đoán	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
poison	củi thuốc	speculate	đoán mò	acclimatize	thích nghi	deforestation	phá rừng	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
regulate	điều chỉnh	speculate	đoán mò	admonish	chỉnh sửa, nhắc nhở	ecotourism	du lịch sinh thái	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prerequisite	tiền quyết, cần trước	staggering	đáng kinh ngạc, sững sờ	affable	thân thiện	dowsize	thu nhỏ	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
quest	cuộc tìm kiếm	theater of the art	nhà hát	aggregate	tổng hợp	domesticate	đồng hóa	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
pictureque	đẹp như tranh	theater of the art	nhà hát	amiable	thân thiện	depict	mô tả	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
perk	hào hứng, lạc quan	tedious	chán ngắt, nhàm chán	appeal	lưu ý	diligent	chăm chỉ	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
poisonous	độc hại	supervisor	người giám sát	arcanum	bí ẩn	double-edged	hai mặt	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
perist	kiến trúc, kiến trúc	time-consuming	tiêu tốn nhiều thời gian	arduous	khó khăn, gian khổ	eco-friendly	thân thiện với môi trường	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
perist	kiến trúc, kiến trúc	superficial	bề mặt, hời hợt	assimilate	hấp thụ, tiêu hóa	demonish	chỉ trích	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prevalent	phổ biến	lunge	húc, xông	acquiesce	hứa hàng, ưng thuận	distracting	phân tâm	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
privacy	riêng tư	barround	quanh co, bao quanh	addicted	thèm, nghiện	craving	khát khao	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
provoke	gây kích thích	translate	chuyển sang, biến thành	adulthood	tuổi trưởng thành	debate	tranh cãi	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
pull	kéo, kéo	threaten	đe dọa	alacrity	sự sẵn sàng	chase	đuổi	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
plunge	sụp, rơi	transform	biến đổi	at risk	ở nguy cơ, bị đe dọa	cheer	khích	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
pointless	không có nghĩa	stimulating	kích thích	attainable	có thể đạt được	deferral	chậm trễ	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
postgraduate	học thạc sĩ, tiến sĩ	susceptible	dễ bị tổn thương	attention-grabbing	thu hút sự chú ý	denure	từ chối	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	track	đường, vết	backpack	ba lô	denote	chỉ ra	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	trivial	không quan trọng	banquet	tiệc	deplete	làm cạn kiệt	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	university	trại	barren	hoang vắng	deride	chê cười	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	tolerance	chịu đựng	bravely	canh dũng	despite	không ngại	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	deteriorate	biến xấu đi	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải
prehistory	thời tiền sử	stunning	lộng lẫy	brave	canh dũng	divide	chia	exhort	văn bảo, cổ vũ	harmless	không hại	harmless	không hại	injure	trúng phải

Phân 16		Phân 17		Phân 18	
itinerary	lộ trình	paparazzi	tay săn ảnh	surpass	vượt qua, vượt xa
milestone	sự kiện quan trọng, cột mốc	outweigh	vượt trội, nhiều hơn	signify	biểu thị
materialistic	thực dụng	panacea	thần thuốc	stagnant	trì trệ
joint venture	công ty liên doanh	pleasant	thân thiện, thích cái gì, sở thích	tempt	lừa gạt, cám dỗ
lay off	sai thải	overdo	làm quá sức, làm dụng	sky scraper	nhà chọc trời
meticulous	si tỉ mỉ, kỹ càng	overpopulated	dùng dân quá	stifle	kìm nén, làm ngạt thở
nosocomia	chứng bệnh ngủ	overwork	làm việc vất vả	strawman	gậy ông đập lưng ông
irreparable	không thể bù đắp, khắc phục	pollute	làm ô nhiễm	succumb	chịu thua, không chống nổi
lay abiding	tuần thủ pháp luật	pronounce	phát âm	shun	tránh xa, lánh
bidnap	bắt cóc	prohibit	cấm, ngăn cấm	simulate	giả vờ, giả
modernize	hiện đại hoá, đổi mới	punctual	đúng giờ, không chậm trễ	sprawl	trải rộng, lan rộng
mass produce	sản xuất hàng loạt	pressurize	gây sức ép, ép nắn	staid	trần tình, nghiêm trọng
life threatening	đe dọa tính mạng, hiểm nghèo	renovate	sửa chữa	stutter	nói lắp
intimidating	đe dọa	reputable	tên tuổi, thành thạo	superfluous	thừa thãi, không cần thiết
intrepid	gan dạ, dũng cảm	publicize	công bố, đưa ra công khai	sycophant	người nịnh hót
invertebrate	thân mềm có vỏ, 8 sấu (tất, bễnh)	reap	gặt hái (ngũ cốc)	tantamount	tương đương với
pollutant	ô nhiễm, mùng rầy, hàn hoon	revolutionize	thay đổi hoàn toàn, cách mạng hoá	showcase	thể hiện, trưng bày
linger	lưu lại, chần chừ	recyclable	có thể tái chế được	telecommute	làm việc tại nhà
maximize	người không theo nguyên tắc của tôn giáo	perpetrate	phạm, gây ra	terrestrial	thiên càn
verdict	đi tới, đi cư	perpetrate	độc ác, nghiêm cấm	weightless	không trọng lượng
lavade	xả nước, xả mình	pesticide	thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt sâu, diệt côn trùng, diệt sinh vật	verify	kiểm tra lại, thẩm tra, xác minh
irreversible	kó thể phục hồi, quay trở lại như cũ	plethora	quá nhiều	withhold	giữ lại, không cho
labour saving	tiết kiệm sức lao động	presumptuous	tự phụ, tự tin	wia win	vượt qua, đi qua giới hạn
meteoric	đạt được nhanh chóng	pristine	quyên sơn, còn mới nguyên	transcend	thường lưu, hàng sang
midterm	giữa kỳ, giữa năm học	profusion	sự phong phú, dồi dào	visualize	hình dung, tưởng tượng
misshap	sự sai lệch	propel	thúc đẩy, đẩy đi	white collar workers	nhân viên lao động trí óc
outdated	hết hạn, lỗi thời, không còn dùng	rebelious	nổi loạn	violate	vi phạm, xâm phạm
needy	túng thiếu, nghèo	resilience	sức kiên cường, bền bỉ	violate	đi lạc
orient	hướng	Philo	Đạo đức/Philosophy: triết lý	worren	lạc quan, khá quan
narrow minded	hẹp hòi, nhỏ nhen	pick collar workers	chọn công nhân địa vị, lương thấp	upbeat	trường đại học
nurture	môi trường, bồi dưỡng	polygamy	chế độ đa thê	varity	kiệt lệ, dị
obess	ám ảnh	precipitous	độc đùng, đứng thẳng	vivement	đáng kinh
mountainous	vàng núi, miền núi	preponderant	chiếm ưu thế, quan trọng hơn	venerable	bảo chú, minh oan
multicultural	đa văn hoá, đa chủng tộc	prodigy	thần đồng	vindicate	tốt đẹp, định cáo
one sided	1 chiều, 편 단	quadrant	góc phần tư	zenith	đỉnh cao nhất
motivate	thúc đẩy, động viên	recharge	ngủ lại, bổ phực lại	finalize	đóng thúc gian
monotonous	đều đều, đơn điệu	reminiscent	sự nhớ lại, hồi tưởng	frustrate	ngang ngang, hung hăng
naïve	đần độn, ngây thơ	repression	ức chế	ultra	cực kỳ, siêu
nounce	lời thề	secene	phong cảnh	unintentional	vô ý, không có ý
obesity	béo phì	rotate	xoay vòng, luân phiên	unleaded	không chì
obuse	châm chếu, không muốn hiểu	rotte sighted	thần tiên	unmanned	không có người điều khiển
obviate	chấm dứt, triệt diệt	self expression	sự tự thể hiện	unspoiled	không bị (ô nhiễm, ăn mòn)
opportun	thích hợp, đúng lúc	rife	hoành hành, lan tràn	uphold	ủng hộ, duy trì
monotonous	quan trọng, trọng đại	sabotage	ký nhại phá hoại	upstage	sự gia tăng đột biến
non vio violent	không bạo lực	scrupulous	đúng đạo đức	urbanized	thị trấn hoá
nostalgic	huyền tiếc quá khứ, hoài niệm	sedentary	ít vận động	user friendly	dễ sử dụng
obstruct	cản trở	serendipity	sự may mắn, vận may	venal	dễ mua chuộc
on air	đang phát sóng	risk taker	người ưa mạo hiểm, người ưa lĩnh	vacciferous	lên tiếng, mạnh mẽ
optimize	tối ưu hoá	self worth	giá trị bản thân	well informed	am hiểu, sáng suốt
outer space	ngoài không gian	sensationalist	giảm giá	well rounded	toàn diện